TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng và ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Neàng Sóc K, sinh năm 1990; nơi cứ trú: tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Chau Lác Kây N, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Neàng Sóc K trình bày:

Bà Neàng Sóc K cho rằng, bà và và ông Na t chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A ngày 24/02/2015.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên bà K, ông N sống ly thân, không còn liên lạc nhau. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chau Lác Kây Na .

Về con chung: bà K và ông N không có con chung; về tài sản chung: bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung.

2. Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Chau L Kây Na như: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn bà K có mặt, bị đơn ông N vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 07/12/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn bà N1 Sóc Khonl vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Chau Lác Kây N vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà N1 Sóc Khonl vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Chau L Kây Na tiếp tục vắng mặt lần 2 không có lý do và không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà K thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Giữa bà K và ông N do quen biết tự tìm hiểu nhau, rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không có tiến nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N, quá trình Tòa án giải quyết ông N cũng không thể hiện ý kiến của mình. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà K là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: trong quá trình chung sống không có con chung;

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N1 Sóc Khonl đối với ông Chau Lác Kây N;

Về con chung; về tài sản chung; về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Neàng Sóc K, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Chau Lác Kây N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân được xác lập vào năm 2015, trong thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà K và bị đơn ông N được xác lập năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân của các đương sự có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2016 bà K, ông N sống ly thân nhau đến ngày nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay, do mâu thuẫn gia đình. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân là trầm trọng, không thể hàn gắn để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên

đơn bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung; giữa bà K và ông N không có con chung; về quan hệ tài sản chung: nguyên đơn bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chứng minh, ngyên đơn bà K khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đối với bị đơn ông Chau Lác Kây N, trong quá trình tố tụng đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ việc nhưng ông N không đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[8] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn bà Neàng Sóc K là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Neàng Sóc K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Neàng Sóc K được ly hôn ông Chau Lác Kây N

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Neàng Sóc K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008996 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú